

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập.

Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành Quyết định Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2025 và thay thế Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 66/2023/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về

phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các ban, ngành, cơ quan có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và cá nhân, tổ chức liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- HĐND, TT.HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố;
- UBND cấp xã;
- VP: Lãnh đạo và các CV: XD, XD; XD;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, QHXT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phương

QUY ĐỊNH

**Phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý
quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn thành phố Huế**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2025/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn thành phố Huế. Các nội dung không quy định trong Quyết định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 3. Trách nhiệm quản lý nhà nước chuyên ngành về quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Xây dựng.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn Khu kinh tế, Khu công nghiệp. Đối với quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu chức năng thuộc phạm vi quản lý, trước khi phê duyệt phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng về sự bảo đảm phù hợp với yêu cầu kết nối hạ tầng kỹ thuật thành phố và việc tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng trong nội dung quy hoạch.

3. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị thành phố; Các Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi, khu vực, dự án được giao nhiệm vụ.

4. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị hoặc Phòng Kinh tế trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác

quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn theo địa bàn quản lý, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Xây dựng; Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Xây dựng trước khi họp Hội đồng thẩm định.

Điều 4. Lấy ý kiến về nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn

Thực hiện theo quy định tại Điều 36, Điều 37 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và tại khoản 5 Điều 11 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT

NHIỆM VỤ VÀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

Điều 5. Tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Sở Xây dựng:

a) Tổ chức lập nhiệm vụ và Quy hoạch chung thành phố Huế.

b) Tổ chức lập các quy hoạch khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao đảm bảo tính độc lập giữa việc lập và thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị thành phố tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn, bao gồm:

a) Quy hoạch không gian ngầm thành phố Huế.

b) Quy hoạch chuyên ngành cấp nước thành phố Huế.

c) Quy hoạch chuyên ngành quản lý chất thải rắn và nghĩa trang thành phố Huế.

d) Quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng do Thủ tướng Chính phủ giao.

đ) Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu vực có ý nghĩa quan trọng quốc gia trên địa bàn thành phố.

e) Quy hoạch chung đô thị hiện hữu gồm một phường độc lập hoặc nhiều phường liền kề nhau, quy hoạch chung đô thị mở rộng gồm đô thị hiện hữu và xã liền kề (diện tích tối thiểu 50 km², mật độ dân số tối thiểu 500 người/km² và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tối thiểu 30%), quy hoạch chung đô thị mới thuộc hệ thống đô thị (diện tích tối thiểu 30 km²).

g) Quy hoạch có phạm vi liên quan địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

h) Quy hoạch phân khu khu vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng khu vực đấu giá quyền sử dụng đất thuộc khu vực phát triển đô thị được giao quản lý.

3. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây

dựng công trình giao thông tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chuyên ngành giao thông thành phố Huế.

4. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chuyên ngành cao độ nền và thoát nước thành phố Huế.

5. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp và giao trách nhiệm cho các Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn khu vực được giao quản lý, gồm: Quy hoạch phân khu khu vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất, quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng khu vực đấu giá quyền sử dụng đất thuộc danh mục dự án thành phố quản lý và các nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc trách nhiệm tổ chức lập của Ủy ban nhân dân thành phố (trừ các quy hoạch quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này).

6. Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch (thuộc trường hợp yêu cầu phải lập nhiệm vụ), quy hoạch các khu chức năng thuộc phạm vi quản lý trên nguyên tắc đảm bảo tính độc lập giữa việc lập và thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn, bao gồm:

a) Quy hoạch chung Khu Kinh tế Chân Mây – Lăng Cô; Quy hoạch chung Khu Kinh tế cửa khẩu A Đốt; Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia Lăng Cô – Cảnh Dương.

b) Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu chức năng, quy hoạch tổng mặt bằng thuộc Khu kinh tế, Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố do Ban Quản lý được giao quản lý vốn.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã: Tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch (thuộc trường hợp yêu cầu phải lập nhiệm vụ), quy hoạch chung xã, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng thuộc địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã do mình quản lý đảm bảo tính độc lập giữa việc lập và thẩm định quy hoạch (trừ các quy hoạch quy định tại khoản 2, khoản 5, khoản 6 và khoản 8 Điều này).

8. Các nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch (thuộc trường hợp yêu cầu phải lập nhiệm vụ), quy hoạch phân khu khu chức năng, quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng tại khu vực đã được xác định để đầu tư thực hiện dự án đầu tư.

Điều 6. Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Hội đồng thẩm định thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố. Tổ chức thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã. Tổ chức thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã. Đối với nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chung xã,

Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định theo phân cấp, ủy quyền của Sở Xây dựng.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt và giao phòng (đơn vị) có chức năng thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố tổ chức thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn, bao gồm:

- a) Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia Lăng Cô – Cảnh Dương.
- b) Quy hoạch không gian ngầm, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật thành phố trực thuộc trung ương.
- c) Quy hoạch chung đô thị hiện hữu gồm một phường độc lập hoặc nhiều phường liền kề nhau, quy hoạch chung đô thị mở rộng gồm đô thị hiện hữu và xã liền kề, quy hoạch chung đô thị mới.
- d) Quy hoạch phân khu thuộc đô thị loại I (thành phố Huế); Quy hoạch liên quan 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.
- đ) Quy hoạch phân khu chức năng;
- e) Quy hoạch chi tiết khu chức năng có phạm vi quy hoạch liên quan đến 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên (trừ quy hoạch thuộc khoản 3 Điều này).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch (thuộc trường hợp yêu cầu phải lập nhiệm vụ), quy hoạch đô thị và nông thôn, bao gồm:

- a) Quy hoạch chi tiết thuộc địa bàn quản lý (trừ quy hoạch thuộc điểm d khoản 1 và điểm a, b khoản 3 Điều này).
- b) Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chung xã thuộc địa bàn quản lý.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch (thuộc trường hợp yêu cầu phải lập nhiệm vụ), quy hoạch đô thị và nông thôn do Ban Quản lý được giao quản lý vốn và các dự án đầu tư do Ban Quản lý hoặc cấp có thẩm quyền cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của Luật Đầu tư, bao gồm:

- a) Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu chức năng trong phạm vi Khu Kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, Khu Kinh tế cửa khẩu A Đốt.
- b) Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu chức năng trong phạm vi các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố.

Điều 8. Chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng

1. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Sở Xây dựng chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng khu vực liên quan 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên (trừ

quy hoạch thuộc khoản 2 Điều này).

2. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng các dự án do Ban Quản lý được giao quản lý vốn và các dự án đầu tư do Ban Quản lý hoặc cấp có thẩm quyền cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của Luật Đầu tư trong phạm vi các Khu kinh tế, Khu công nghiệp.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng thuộc địa bàn quản lý (trừ quy hoạch thuộc khoản 1, khoản 2 Điều này).

4. Việc điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 9. Rà soát quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Rà soát quy hoạch đô thị và nông thôn thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. Cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 5 Quy định này (trừ khoản 8) có trách nhiệm tổ chức rà soát, tổng hợp kết quả rà soát quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt trên phạm vi địa giới hành chính và phạm vi khu vực được giao quản lý.

2. Nội dung báo cáo kết quả rà soát quy hoạch đô thị và nông thôn thực hiện theo quy định tại Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 10. Điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị và nông thôn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và khoản 10 Điều 11 Nghị định 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Trình tự điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị và nông thôn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

3. Trình tự chấp thuận chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị và nông thôn thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 11. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại Điều 7 Quy định này quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch (trường hợp quy hoạch chung xã, quy hoạch chung thị trấn, đô thị mới loại V sau khi sắp xếp được tiếp tục thực hiện theo khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và thuộc thẩm quyền điều chỉnh cục bộ của Ủy ban nhân dân cấp xã mới nếu việc điều chỉnh đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật).

2. Đối với quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ

mà do Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức lập (gồm Quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương, Quy hoạch chung Khu kinh tế; Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu vực có ý nghĩa quan trọng quốc gia,...) thì Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch theo trình tự, thủ tục được quy định tại Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho:

a) Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị thành phố tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương; Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu vực có ý nghĩa quan trọng quốc gia để trình Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, Quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu A Đớt để trình Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

3. Đối với quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố mà trước đây do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập có phạm vi ranh giới từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên (xã mới sau sáp nhập) thì Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch theo trình tự, thủ tục được Ủy ban nhân dân thành phố quy định. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị thành phố lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ để trình Sở Xây dựng thẩm định và trình phê duyệt theo quy định.

4. Đối với quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố mà trước đây do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập có phạm vi ranh giới thuộc 01 đơn vị hành chính cấp xã (xã mới sau sáp nhập) thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch theo trình tự, thủ tục được Ủy ban nhân dân thành phố quy định.

5. Đối với quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố mà trước đây do Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố tổ chức lập thì Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch theo trình tự, thủ tục được Ủy ban nhân dân thành phố quy định.

Chương III

TỔ CHỨC QUẢN LÝ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

Điều 12. Quy định quản lý theo quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Quy định quản lý theo quy hoạch đô thị và nông thôn được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch quy định tại Điều 7 Quy định này ban hành sau

khi quy hoạch được phê duyệt.

2. Dự thảo quy định quản lý theo quy hoạch đô thị và nông thôn phải kèm theo hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch.

3. Nội dung quy định quản lý theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch không gian ngầm, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật thành phố trực thuộc trung ương thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Trong đó bao gồm cốt xây dựng không chế từng khu vực đối với quy hoạch chung; Cốt xây dựng đối với từng ô đất, cốt xây dựng và các yêu cầu cụ thể về kỹ thuật đối với từng tuyến đường, khu vực đối với quy hoạch phân khu; Cốt xây dựng đối với từng lô đất đối với quy hoạch chi tiết; Quy định về cao độ quy hoạch đối với quy hoạch không gian ngầm; Quy định về cao độ quy hoạch, mối quan hệ với các công trình, khu vực công trình có liên quan đối với quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật.

4. Quy định quản lý theo quy hoạch đô thị và nông thôn phải được công bố công khai theo quy định tại Điều 50 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 13. Cấm mốc theo quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Lập hồ sơ cấm mốc:

a) Cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 5 Quy định này có trách nhiệm lập hồ sơ cấm mốc (trừ khoản 1 Điều 5 Quy định này).

b) Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị thành phố lập hồ sơ cấm mốc theo Quy hoạch chung thành phố Huế.

2. Thẩm định hồ sơ cấm mốc:

a) Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ cấm mốc quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định hồ sơ cấm mốc quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Phòng (đơn vị) có chức năng tham mưu lĩnh vực quy hoạch thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố thẩm định hồ sơ cấm mốc quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố.

3. Phê duyệt hồ sơ cấm mốc:

a) Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hồ sơ cấm mốc quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt hồ sơ cấm mốc quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố phê duyệt hồ sơ cấm mốc quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt.

4. Tổ chức thực hiện cấm mốc: Cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức thực hiện cấm mốc ngoài thực địa hoặc áp dụng công nghệ thông tin.

5. Lưu giữ và cung cấp thông tin về mốc giới:

a) Sở Xây dựng lưu giữ hồ sơ cấm mốc quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, của Ủy ban nhân dân thành phố (trừ quy hoạch thuộc điểm b khoản này) và có trách nhiệm cung cấp tài liệu liên quan đến mốc giới cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố lưu giữ hồ sơ cấm mốc Quy hoạch chung Khu Kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, Quy hoạch chung Khu Kinh tế cửa khẩu A Đốt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố và có trách nhiệm cung cấp tài liệu liên quan đến mốc giới cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

c) Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã lưu giữ hồ sơ cấm mốc quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã và có trách nhiệm cung cấp tài liệu liên quan đến mốc giới cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

Điều 14. Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Sở Xây dựng cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên (trừ phạm vi thuộc khoản 2 Điều này).

2. Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố cung cấp thông tin về Quy hoạch chung Khu Kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, Quy hoạch chung Khu Kinh tế cửa khẩu A Đốt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu.

3. Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn khu vực thuộc địa bàn quản lý.

Điều 15. Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn đáp ứng yêu cầu về tính kế thừa cơ sở dữ liệu hiện có, đảm bảo tính đầy đủ, cập nhật thường xuyên, kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch, cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chủ động tổ chức triển khai thực hiện; triển khai số hóa dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn được phê duyệt thuộc phạm vi, địa bàn do mình quản lý; báo cáo chuyên về Sở Xây dựng tổng hợp trước ngày 30/6 và 30/12 hằng năm.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Xử lý chuyển tiếp

Thực hiện theo quy định tại Điều 59 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Điều 13 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; Điều 25, Điều 26 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Điều 45 Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 17. Chế độ báo cáo

1. Việc quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn thành phố phải được thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua việc giám sát và chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố và các Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố lập báo cáo định kỳ về tình hình triển khai thực hiện quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn thành phố, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 15/12 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Xây dựng.

3. Quá trình triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và các chủ đầu tư lập quy hoạch chủ động rà soát, phát hiện các vướng mắc, báo cáo về Sở Xây dựng để tổng hợp, đề xuất hướng giải quyết (nếu có), trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố; Giám đốc: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị, các Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ vào quy định này để kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực đảm bảo thực hiện các công việc được phân công, phân cấp hoặc ủy quyền theo đúng quy định; xây dựng quy trình thực hiện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và công khai quy trình, thủ tục thực hiện các nhiệm vụ được phân công, phân cấp hoặc ủy quyền.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn thành phố. Thường xuyên kiểm tra và rà soát việc thực hiện quy hoạch đã được duyệt.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý. Thường

xuyên kiểm tra và rà soát việc thực hiện quy hoạch được duyệt thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố thường xuyên kiểm tra, rà soát việc thực hiện quy hoạch thuộc phạm vi do mình quản lý.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp có các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành quy định các nội dung liên quan hoặc phát sinh những nội dung cần điều chỉnh nhưng vượt quá phạm vi được phân công, phân cấp, ủy quyền hoặc có vướng mắc, các đơn vị gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.